TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2020
V/v ly hôn giữa bà T và ông Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Vũ.
2. Bà Bùi Mỹ Lan.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Xuân Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về *việc"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>*:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: 47A M, phường A, quận N, thành phố C.

* <u>*Bị đơn*</u>: Ông **Lý Đại Đ**, sinh năm 1960 (vắng mặt)
Địa chỉ: 47A M, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-10-2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Lý Đại Đ tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố C vào ngày 21-8-2013, giấy đăng ký số 115/2013, quyển số 02/2013. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp về tính cách và quan điểm sống. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông Đ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lý Minh A (nữ) sinh ngày 13-5-2015. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có.

* Bị đơn ông Lý Đại Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ thường vắng nhà nên không thể tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tòa án đã lập biên bản không tống đạt được và tiến hành làm thủ tục niêm yết thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với ông Đ nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa nên không thể ghi nhận ý kiến của ông Đ được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con và xác định tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên Tòa án tiến hành niêm yết xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lý Đại Đ, giao cháu Lý Minh A cho bà T nuôi dưỡng, đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng của bà T, không xem xét về tài sản chung và nợ chung, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N nhận định:

Về thủ tục: Ông Lý Đại Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp quy định của pháp luật.

Về quan hệ tranh chấp: Bà T, ông Đ tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố C vào ngày 21-8-2013 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp, khi có tranh chấp sẽ do Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh và do ông Đ có địa chỉ Hộ khẩu thường trú tại địa bàn quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố C.

Về hôn nhân: Bà T và ông Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án cũng có công văn gửi địa phương để xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, việc chăm sóc, nuôi dạy cháu Minh Anh. Qua kết quả xác minh ngày 09-10-2019 của UBND phường A thì nguyên nhân dẫn đến bà T yêu cầu

ly hôn do mâu thuẫn nội bộ gia đình; bà T đang sống cùng cháu Minh Anh. Đối với ông Đ, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ không đến điều đó chứng tỏ ông Đ không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa bà Thuỷ và ông Đ đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thuỷ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Bà T và ông Đ có 01 con chung. Khi ly hôn, bà T có yêu cầu được nuôi cháu Minh Anh; xét hiện tại cháu Minh Anh cũng đang sống với bà T, để tránh làm xáo trộn đời sống tinh thần của cháu nên chấp nhận yêu cầu của bà T theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có và do xét xử vắng mặt ông Đ nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Xét trình bày của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lý Đại Đ.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Lý Minh A (nữ) sinh ngày 13-5-2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Đ không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Minh Anh các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu số 001931 ngày 16-10-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C, bà T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q. N;*
- *Chi cục THADS Q. N;*
- *UBND phường A;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Hồ Thị Tuyết Phương